



Số: 13/25/CV-HAGL

(V/V: Giải trình BCTC Tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán)

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình kết quả kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh trên Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán như sau:

I. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2024 và Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán:

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC Tổng hợp năm 2024 (Đã kiểm toán)	BCTC Tổng hợp năm 2023 (Đã kiểm toán)	Biến động
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(265.762.658)	141.039.777	(406.802.435)

Nguyên nhân chủ yếu do năm 2023 có phát sinh lãi từ hoạt động chuyển nhượng Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai và chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện - Đại học Y được Hoàng Anh Gia Lai. Khoản lãi này không phát sinh trong năm 2024.

II. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán:

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.387.918.129 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.757.596.789 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ các dự án đang triển khai. Trong năm 2024 Công ty đã tắt toán một phần nợ gốc trái phiếu, thu hồi nợ từ các đối tác. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay, trái phiếu có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN THẮNG

Nơi nhận:

- Như trên:

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
DN: C=VN, L=GIA LAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1= MST:5900377720
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-03-31 21:49:51

CÔNG TY
CỔ PHẦN
HOÀNG ANH
GIA LAI

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Số Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 48

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2024
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2024
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2024
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Người đại diện theo pháp luật	từ ngày 15 tháng 2 năm 2024
Ông Võ Trường Sơn	Người đại diện theo pháp luật	đến ngày 14 tháng 2 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để ngày 31 tháng 3 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất").

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11576751/67730031-YE-R

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến *Thuyết minh số 2.6* của báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 265.762.658 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 3.387.918.129 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.757.596.789 ngàn VND. Những điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong *Thuyết minh số 2.6* cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.455.657.275	4.344.447.093
110	I. Tiền	4	4.164.549	7.946.716
111	1. Tiền		4.164.549	7.946.716
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.447.158.633	4.331.193.764
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23.096.788	394.070.980
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	313.099.268	314.533.541
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	87.637.750	2.321.446.514
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.949.919.260	2.228.139.139
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7, 8	(926.594.433)	(926.996.410)
140	III. Hàng tồn kho	9	796.673	1.691.169
141	1. Hàng tồn kho		3.138.248	4.032.744
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.537.420	3.615.444
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.925	9.206
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		407.916	478.659
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.293.317.837	10.960.658.114
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.500.126.745	5.088.192
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	999.457.034	5.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	500.669.711	88.192
220	II. Tài sản cố định		119.476.950	124.538.151
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	94.198.771	99.259.972
222	Nguyên giá		212.113.628	212.532.943
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(117.914.857)	(113.272.971)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.278.179	25.278.179
228	Nguyên giá		40.095.952	40.095.952
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.817.773)	(14.817.773)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	34.296.263	36.187.721
231	1. Nguyên giá		47.003.809	47.003.809
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(12.707.546)	(10.816.088)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.742.936	15.830.714
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		17.742.936	15.830.714
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	11.620.880.529	10.778.343.222
251	1. Đầu tư vào công ty con		11.891.977.939	11.114.808.169
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		916.380.007	1.048.791.081
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.192.477.417)	(1.390.256.028)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		794.414	670.114
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	794.414	670.114
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.748.975.112	15.305.105.207

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.562.900.411	9.150.195.848
310	I. Nợ ngắn hạn		6.213.254.064	5.606.805.714
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	55.391.202	65.908.241
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	14.949.040	10.422.524
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.588.975	45.234.678
314	4. Phải trả người lao động		5.536.555	6.495.862
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.808.273.562	3.261.233.031
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	407.905.069	468.472.891
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.918.506.151	1.748.934.977
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		1.349.646.347	3.543.390.134
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	163.412.260	326.824.519
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	20	1.171.204.222	3.199.130.581
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	1.998.405	4.403.574
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.186.074.701	6.154.909.359
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	7.186.074.701	6.154.909.359
411	1. Vốn cổ phần		10.574.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		10.574.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	279.895.303
421	4. Lỗ lũy kế		(3.387.918.129)	(3.398.978.774)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(3.122.155.471)	(3.540.018.551)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(265.762.658)	141.039.777
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.748.975.112	15.305.105.207

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	18.415.919	33.433.374
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(14.553.833)	(27.241.298)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.862.086	6.192.076
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	142.041.101	620.469.566
22	5. Chi phí tài chính	24	(333.264.096)	(568.287.938)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(459.188.565)	(548.037.985)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(3.121.600)	(3.501.016)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(55.892.132)	(17.286.018)
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(246.374.641)	37.586.670
31	9. Thu nhập khác	26	412.989	137.187.051
32	10. Chi phí khác	26	(22.168.505)	(2.593.922)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	26	(21.755.516)	134.593.129
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(268.130.157)	172.179.799
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(37.670)	(28.546.737)
52	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.2	2.405.169	(2.593.285)
60	15. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(265.762.658)	141.039.777

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(268.130.157)	172.179.799
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	6.583.948	8.419.424
03	Hoàn nhập dự phòng		(128.326.513)	(26.876.510)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.325.670)	(12.981.392)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(119.134.036)	(744.660.650)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	24	459.188.565	548.037.985
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(59.143.863)	(55.881.344)
09	Tăng các khoản phải thu		(40.849.071)	(141.027.503)
10	Giảm hàng tồn kho		894.496	5.730.588
11	Giảm (tăng) các khoản phải trả		(64.508.494)	145.085.330
12	Tăng (giảm) chi phí trả trước		(117.019)	3.685.762
14	Tiền lãi vay và lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") đã trả		(55.443.666)	(29.599.717)
15	Thuế TNDN đã nộp	27.1	(27.996.398)	(549.614)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.917.360)	(1.536.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(250.081.375)	(74.092.498)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(1.637.491)	(2.222.393)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	207.000.000
23	Tiền chi cho vay		(907.273.333)	(51.179.497)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.020.281.565	477.881.753
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		434.414.952	20.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức		266.513.515	164.212
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		812.299.208	651.644.075

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	1.300.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	-	919.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(1.866.000.000)	(1.519.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(566.000.000)	(600.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.782.167)	(22.448.423)
60	Tiền đầu năm		7.946.716	30.395.139
70	Tiền cuối năm	4	4.164.549	7.946.716

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,78	98,78
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	85,00	85,00
(5) Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	90,45
(6) Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	87,74
(7) Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Stung Treng, Campuchia	Đang hoạt động	100,00	87,74
(8) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(9) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	97,49
(10) Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,49
(11) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp	Gia Lai, Việt Nam	Đang chờ giải thể (i)	88,03	88,03
Lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ				
(12) Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,50
(13) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (ii)	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)

Công ty liên kết

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00	25,00
--	-----------------------	----------------	-------	-------

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc:

Dịch vụ hàng hóa - xây dựng

(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

Quản lý bất động sản và khách sạn

(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
---------------------------------	-------------------	----------------	---	---

- (i) Tình trạng đang chờ giải thể là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết, vẫn chưa hoàn thành việc giải thể vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- (ii) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 154 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 247).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày trong *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 13.1* của báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 265.762.658 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 3.387.918.129 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.757.596.789 ngàn VND. Ngoài ra tại ngày này, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng trái phiếu và đang chưa thanh toán khoản lãi trái phiếu đến hạn như được trình bày tại *Thuyết minh số 20* của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi các khoản cho vay từ các đối tác, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây ăn quả	20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền mặt	601.565	779.757
Tiền gửi ngân hàng	3.562.984	7.166.959
TỔNG CỘNG	4.164.549	7.946.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.432.243	22.705.081
Phải thu tiền bán căn hộ	969.782	1.148.510
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	1.694.763	411.413
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	-	369.805.976
TỔNG CỘNG	23.096.788	394.070.980
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh ("TM") số 28)</i>		
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>		
	13.514.674	14.864.451
	9.582.114	379.206.529
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(13.546.848)	(12.537.759)
GIÁ TRỊ THUẦN	9.549.940	381.533.221

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	12.537.759	16.204.381
Cộng: Dự phòng lập trong năm	2.936.968	171.630
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.927.879)	(3.838.252)
Số cuối năm	13.546.848	12.537.759

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	313.099.268	314.533.541
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho bên liên quan (TM số 28)</i>	309.421.541	311.517.697
<i>Trả trước cho các bên thứ ba</i>	3.677.727	3.015.844
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(2.167.366)	(298.180)
GIÁ TRỊ THUẦN	310.931.902	314.235.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Số đầu năm	298.180	284.297
Cộng: Dự phòng lập trong năm	1.869.186	13.883
Số cuối năm	2.167.366	298.180

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28) (i)	61.722.674	2.267.870.587
Cho vay ngắn hạn các bên thứ ba	25.915.076	53.575.927
	87.637.750	2.321.446.514
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 28) (i)	999.457.034	5.000.000
TỔNG CỘNG	1.087.094.784	2.326.446.514
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(60.748.377)	(61.359.348)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.026.346.407	2.265.087.166

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Số đầu năm	61.359.348	67.371.929
Cộng: Dự phòng lập trong năm	35.687.796	527.922
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(36.298.767)	(6.540.503)
Số cuối năm	60.748.377	61.359.348
Trong đó:		
Ngắn hạn	60.748.377	61.359.348
Dài hạn	-	-

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả từ năm 2025 đến năm 2029 và hưởng lãi suất 7,675 - 12%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	1.892.832.548	1.656.776.869
Phải thu lãi cho vay	42.487.317	561.927.329
Tạm ứng cho nhân viên	10.190.992	2.831.040
Phải thu khác	4.408.403	6.603.901
	<u>1.949.919.260</u>	<u>2.228.139.139</u>
Dài hạn		
Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ("HTKD") (*)	453.425.000	-
Phải thu lãi cho vay	47.244.711	88.192
	<u>500.669.711</u>	<u>88.192</u>
TỔNG CỘNG	2.450.588.971	2.228.227.331
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)	1.913.495.400	2.215.058.381
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 28)	47.244.711	88.192
Phải thu các bên thứ ba	489.848.860	13.080.758
Dự phòng phải thu khác khó đòi	<u>(850.131.842)</u>	<u>(852.801.123)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	1.600.457.129	1.375.426.208

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Số đầu năm	852.801.123	890.159.464
Cộng: Dự phòng lập trong năm	2.972.948	4.258.650
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(5.642.229)</u>	<u>(41.616.991)</u>
Số cuối năm	<u>850.131.842</u>	<u>852.801.123</u>
<i>Trong đó:</i>		
Ngắn hạn	850.131.842	852.801.123
Dài hạn	-	-

(*) Hợp đồng HTKD số 01/2024/HTKD/HAGL-MY ngày 24 tháng 4 năm 2024 với Công ty TNHH Nông nghiệp Mang Yang với mục đích hợp tác trong dự án trồng, chăm sóc, sản xuất, sản xuất kinh doanh các loại cây ăn trái tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Các bên sẽ tiến hành HTKD từ ngày 24 tháng 4 năm 2024 đến ngày 24 tháng 4 năm 2027. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn đầu tư thực tế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Nguyên vật liệu	1.936.837	2.201.291
Hàng hóa	982.376	982.376
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	160.700	790.742
Thành phẩm	58.335	58.335
TỔNG CỘNG	3.138.248	4.032.744
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	796.673	1.691.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây ăn quả	Tài sản khác	Tổng cộng
							Ngàn VND
Nguyên giá							
Số đầu năm	153.662.078	16.630.300	31.650.519	3.792.546	6.689.440	108.060	212.532.943
Mua mới trong năm	-	36.300	-	106.640	-	-	142.940
Thanh lý trong năm	(562.255)	-	-	-	-	-	(562.255)
Số cuối năm	153.099.823	16.666.600	31.650.519	3.899.186	6.689.440	108.060	212.113.628
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	15.103.413	15.476.940	19.573.604	2.745.695	6.689.440	108.060	59.697.152
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(57.704.780)	(16.299.435)	(29.096.054)	(3.375.202)	(6.689.440)	(108.060)	(113.272.971)
Khấu hao trong năm	(3.219.850)	(97.772)	(1.154.701)	(220.167)	-	-	(4.692.490)
Thanh lý trong năm	50.604	-	-	-	-	-	50.604
Số cuối năm	(60.874.026)	(16.397.207)	(30.250.755)	(3.595.369)	(6.689.440)	(108.060)	(117.914.857)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	95.957.298	330.865	2.554.465	417.344	-	-	99.259.972
Số cuối năm	92.225.797	269.393	1.399.764	303.817	-	-	94.198.771
Trong đó:							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20)	58.582.827	-	1.417.934	-	-	-	60.000.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			Ngàn VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	25.278.179	14.817.773	40.095.952
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	14.817.773	14.817.773
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm và số cuối năm	-	(14.817.773)	(14.817.773)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm và số cuối năm	25.278.179	-	25.278.179
Trong đó:			
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)	25.278.179	-	25.278.179

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

		Ngàn VND
		Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá		
Số đầu năm và số cuối năm		47.003.809
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số đầu năm		(10.816.088)
Khấu hao trong năm		(1.891.458)
Số cuối năm		(12.707.546)
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		36.187.721
Số cuối năm		34.296.263
Trong đó:		
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)		34.296.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

		Ngân VND
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	3.663.002	2.629.816
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.072.321	2.076.307

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		Ngân VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (TM số 13.1)	11.891.977.939	11.114.808.169
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 13.2)	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 13.3)	916.380.007	1.048.791.081
TỔNG CỘNG	12.813.357.946	12.168.599.250
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.192.477.417)	(1.390.256.028)
GIÁ TRỊ THUẦN	11.620.880.529	10.778.343.222

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm			
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư		
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND		
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Chăn nuôi và trồng trọt	87,74	3.450.326.000	-	87,74	3.450.326.000	-
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Nông nghiệp	98,78	2.989.291.000	(712.985.121)	98,78	2.989.291.000	(712.985.121)
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang")	Chăn nuôi và trồng trọt	95,45	2.745.600.000	-	95,45	2.745.600.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai") (*)	Chăn nuôi và trồng trọt	85,00	2.591.261.613	-	88,03	1.814.091.843	-
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	97,50	89.769.616	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thup (**)	Chăn nuôi và trồng trọt	88,03	7.950.720	(7.950.720)	88,03	7.950.720	(7.950.720)
TỔNG CỘNG			11.891.977.939	(828.484.447)		11.114.808.169	(828.484.447)

(*) Trong năm, Chăn nuôi Gia Lai đã hoàn tất việc phát hành thêm 95.000.000 cổ phần, theo mệnh giá (10.000 VND/cổ phần) cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu của các cổ đông này tại ngày phát hành. Theo đó, Công ty chỉ đăng ký mua thêm 77.716.977 cổ phần trên tổng số 83.631.372 cổ phần mà Công ty được phép mua thêm trong đợt phát hành mới này từ Chăn nuôi Gia Lai, và chuyển quyền mua các cổ phần còn lại cho các cổ đông hiện hữu khác trong Chăn nuôi Gia Lai. Việc góp thêm vốn vào Chăn nuôi Gia Lai được thực hiện bằng cách chuyển đổi các khoản phải thu về cho vay và lãi cho vay với giá trị là 777.169.770 ngàn VND từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thành khoản đầu tư góp vốn. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai giảm từ 88,03% còn 85,00%.

(**) Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/25/NQ-HĐQT-HAGL ngày 7 tháng 1 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư VNĐ	Dự phòng VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	25,00	5.000.000	(5.000.000)	25,00	5.000.000	(5.000.000)

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VNĐ	Dự phòng VNĐ	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*) (i)	8,24	909.019.966	(351.632.929)	9,44	1.041.431.040	(549.411.540)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	2,00	6.200.000	(6.200.000)	2,00	6.200.000	(6.200.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	-	1.160.041	(1.160.041)	-	1.160.041	(1.160.041)
TỔNG CỘNG		916.380.007	(358.992.970)		1.048.791.081	(556.771.581)

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20).

(i) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 13.310.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác, với tổng giá trị chuyển nhượng là 64.686.600 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 2.051.976 ngàn VND (TM số 22.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 9,44% xuống còn 8,24%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	238.120	108.849
Chi phí trả trước khác	556.294	561.265
TỔNG CỘNG	794.414	670.114

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	55.265.202	65.761.281
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	126.000	146.960
TỔNG CỘNG	55.391.202	65.908.241
Trong đó:		
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 28)	26.958.121	36.779.081
Phải trả cho các bên thứ ba	28.433.081	29.129.160

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Nhận ứng trước của khách hàng	14.949.040	10.422.524
Trong đó:		
Ứng trước từ các bên liên quan (TM số 28)	13.527.278	8.684.121
Ứng trước từ các bên thứ ba	1.421.762	1.738.403

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngân VND Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	138.087	3.953.796	(3.367.885)	723.998
Thuế giá trị gia tăng	17.034.238	3.202.333	(18.737.406)	1.499.165
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 27.1)	28.062.353	37.670	(27.996.398)	103.625
Khác	-	952.274	(690.087)	262.187
TỔNG CỘNG	45.234.678	8.146.073	(50.791.776)	2.588.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

		Ngàn VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.786.553.095	3.227.040.751
Chi phí phát hành trái phiếu	15.908.108	15.908.108
Chi phí lãi HĐHTKD	2.427.180	2.427.180
Chi phí hoạt động	-	11.361.155
Khác	3.385.179	4.495.837
	<u>3.808.273.562</u>	<u>3.261.233.031</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	163.412.260	326.824.519
TỔNG CỘNG	<u>3.971.685.822</u>	<u>3.588.057.550</u>

19. PHẢI TRẢ KHÁC

		Ngàn VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	377.057.289	409.959.046
Phải trả do thu hộ	27.922.021	37.681.664
Khác	2.925.759	20.832.181
	<u>407.905.069</u>	<u>468.472.891</u>
Dài hạn		
Phải trả do thu hộ	7.666.626	7.666.626
TỔNG CỘNG	<u>415.571.695</u>	<u>476.139.517</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)	345.595.002	412.207.744
Phải trả các bên thứ ba	69.976.693	63.931.773

- (i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	1.918.506.151	1.748.934.977
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường dài hạn	1.171.204.222	3.199.130.581
TỔNG CỘNG	3.089.710.373	4.948.065.558

Chi tiết tình hình tăng (giảm) các khoản vay trong năm như sau:

	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Số đầu năm	1.748.934.977	3.199.130.581	4.948.065.558
Phân loại vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	1.203.800.000	(1.203.800.000)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu dài hạn	771.174	6.873.641	7.644.815
Tiền chi trả gốc vay và trái phiếu trong năm	(1.035.000.000)	(831.000.000)	(1.866.000.000)
Số cuối năm	1.918.506.151	1.171.204.222	3.089.710.373

Trái phiếu thường dài hạn

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tổ chức thu xếp phát hành		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	3.105.000.000	4.671.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	-	300.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(15.289.627)	(22.934.442)
TỔNG CỘNG	3.089.710.373	4.948.065.558
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	1.171.204.222	3.199.130.581
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	1.918.506.151	1.748.934.977

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Ngân VND
Năm trước					Tổng cộng
Số đầu năm	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.538.482.551)	6.015.405.582
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	141.039.777	141.039.777
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Số cuối năm	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.398.978.774)	6.154.909.359
Năm nay					
Số đầu năm	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.398.978.774)	6.154.909.359
Tăng vốn trong năm (*)	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	(279.895.303)	279.895.303	-
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(265.762.658)	(265.762.658)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(3.072.000)	(3.072.000)
Số cuối năm	10.574.679.470	(686.640)	-	(3.387.918.129)	7.186.074.701

(*) Vào ngày 23 tháng 4 năm 2024, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 9 năm 2023 số 02/23/NQĐHĐCĐ-HAGL và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/24/NQHĐQT-HAGL ngày 19 tháng 4 năm 2024. Theo đó, Công ty phát hành thêm 130.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương vốn cổ phần tăng thêm là 1.300.000.000 ngàn VND. Vào ngày 25 tháng 4 năm 2024, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp phê duyệt tăng vốn cổ phần của Công ty lên 10.574.679.470 ngàn VND.

(**) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 10 tháng 5 năm 2024, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty với giá trị là 279.895.303 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	1.057.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.057.467.947	927.467.947
Cổ phiếu phổ thông	1.057.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đang lưu hành	1.057.467.947	927.399.283
Cổ phiếu phổ thông	1.057.467.947	927.399.283
Cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
Cổ phiếu phổ thông	68.664	68.664

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, một phần cổ phiếu phổ thông đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay trái phiếu của Công ty.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	18.415.919	33.433.374
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	12.481.512	30.803.558
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.934.407	2.629.816
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)	12.627.610	9.889.583
Doanh thu từ các bên thứ ba	5.788.309	23.543.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	87.041.804	336.483.135
Cổ tức	30.228.605	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.718.716	12.986.431
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính (TM số 13.3)	2.051.976	271.000.000
TỔNG CỘNG	142.041.101	620.469.566
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)	104.276.070	284.297.971
Doanh thu từ các bên thứ ba	37.765.031	336.171.595

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	12.481.512	25.349.840
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.072.321	1.891.458
TỔNG CỘNG	14.553.833	27.241.298

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí lãi vay	459.188.565	548.037.985
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(127.924.536)	20.147.151
Khác	2.000.067	102.802
TỔNG CỘNG	333.264.096	568.287.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.459.198	2.519.835
Chi phí lương nhân viên	378.597	374.520
Chi phí bán hàng khác	283.805	606.661
	<u>3.121.600</u>	<u>3.501.016</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	33.190.924	34.639.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.871.366	14.042.850
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.768.692	4.373.148
Hoàn nhập dự phòng	(401.977)	(47.023.661)
Hoàn nhập chi phí hoạt động	(10.723.635)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.186.762	11.254.514
	<u>55.892.132</u>	<u>17.286.018</u>
TỔNG CỘNG	<u>59.013.732</u>	<u>20.787.034</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý TSCĐ	188.348	137.177.515
Thu nhập khác	224.641	9.536
	<u>412.989</u>	<u>137.187.051</u>
Chi phí khác		
Các khoản phạt	2.099.631	355.034
Khấu hao TSCĐ không sử dụng	266.465	-
Xóa sổ công nợ	18.721.950	223.316
Chi phí khác	1.080.459	2.015.572
	<u>22.168.505</u>	<u>2.593.922</u>
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>(21.755.516)</u>	<u>134.593.129</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.670	28.546.737
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.405.169)	2.593.285
TỔNG CỘNG	(2.367.499)	31.140.022

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế và (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(268.130.157)	172.179.799
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay vượt mức (*)	226.279.373	34.617.599
Lãi suất ấn định	106.187.541	99.668.968
Thay đổi các khoản dự phòng	(1.518.944.838)	81.131.638
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.025.845	(12.966.425)
Thu nhập cổ tức	(30.228.605)	-
Các chi phí không được khấu trừ khác	13.089.730	8.900.356
(Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	(1.459.721.111)	383.531.935
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.670	28.546.737
Thuế TNDN phải trả đầu năm	28.062.353	65.230
Thuế TNDN đã trả trong năm	(27.996.398)	(549.614)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (TM số 17)	103.625	28.062.353

(*) Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đây là các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định không được trừ thuế TNDN ước tính bởi Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	
	Số cuối năm		Năm nay	
	Số đầu năm		Năm trước	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.998.405)	(4.403.574)	2.405.169	(2.593.285)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(1.998.405)	(4.403.574)		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			2.405.169	(2.593.285)

27.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.529.097.107 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 69.375.996 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024		Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
			Không được chuyển lỗ		
2022 (*)	2027	69.375.996	-	-	69.375.996
2024 (**)	2029	1.459.721.111	-	-	1.459.721.111
TỔNG CỘNG		1.529.097.107	-	-	1.529.097.107

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế năm 2023.

(**) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty Cổ phần Bapi Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên chủ chốt (đến ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của thành viên Ban Tổng giám đốc
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan của thành viên Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Ông Võ Trường Sơn	Tổng giám đốc (đến ngày 7 tháng 2 năm 2024) kiêm Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT (đến ngày 10 tháng 5 năm 2024) kiêm Giám đốc công ty con
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên HĐQT (từ ngày 10 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc (từ ngày 7 tháng 2 năm 2024)
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên BKS (đến ngày 10 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên BKS (từ ngày 10 tháng 5 năm 2024)
Bà Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Bà Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Bà Hồ Thị Mỹ Loan	Thư ký Công ty
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Ngàn VND
			Năm trước
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chuyển đổi khoản phải thu thành vốn góp	777.169.770	-
	Lãi cho vay	1.227.942	62.324.917
	Chi hộ	754.537	712.063
	Mua hàng hóa	14.628	690
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.801	712.063
	Cho vay	-	28.000.000
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Cho vay	700.000.000	8.700.000
	Lãi cho vay	37.926.814	39.601.628
	Mua hàng hóa và dịch vụ	12.355.068	4.935.179
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.010.154	8.922.766
	Chi hộ	991.591	398.932
	Tăng khoản đầu tư	-	500.000.000
	Cho mượn	-	19.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Lãi trái phiếu	17.277.000	30.416.667
	Lãi cho vay	26.123.121	39.263.485
	Mua lại trái phiếu	300.000.000	-
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.435.224	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Cho vay	244.556.333	5.000.000
	Lãi cho vay	17.812.396	57.250.407
	Chi hộ	486.413	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	102.000	111.180
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	56.673	17.088
	Tăng khoản đầu tư	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Lê Me	Tăng khoản đầu tư	-	3.450.326.000
	Lãi cho vay	-	132.836.456
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	123.758	-
	Chi hộ	191.037	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Lãi cho vay	3.908.797	4.981.703
	Chi hộ	885.919	859.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		Ngàn VND	
Bên liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.761.899	4.762.907
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.342.696	3.345.741
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.865.320	2.865.321
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.490.206	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	521.053	521.053
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	291.600	291.600
Công Ty Cổ Phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	123.758	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	118.142	2.649.186
Công Ty Cổ Phần Bapi Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	428.643
		13.514.674	14.864.451
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877	286.841.877
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Ứng trước mua hàng hóa	22.579.664	24.675.820
		309.421.541	311.517.697
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)			
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Cho vay	61.722.674	61.722.674
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Cho vay	-	984.698.038
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Cho vay	-	626.740.018
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Cho vay	-	398.797.080
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Cho vay	-	112.597.142
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Cho vay	-	49.900.701
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Cho vay	-	16.744.250
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Cho vay	-	16.670.684
		61.722.674	2.267.870.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND
Bên liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7)			
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Cho vay	705.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Cho vay	244.556.333	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Cho vay	49.900.701	-
		999.457.034	5.000.000

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại các kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Bên liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)			
Công ty Cổ phần Lê Me	Chi trả hộ	731.094.093	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Chi trả hộ	592.224.110	582.325.537
	Lãi cho vay	32.132.634	28.223.836
	Khác	393.410	56.434
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Chi trả hộ	22.000	196.847.181
	Lãi cho vay	-	100.428.011
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn Gia súc Trà Bá	Chi trả hộ	141.346.241	141.346.241
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chi trả hộ	117.895.692	386.500.732
	Lãi cho vay	1.227.942	147.444.851
	Khác	460.292	-
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	Chi trả hộ	99.770.725	96.330.549
	Khác	1.876.093	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Chi trả hộ	141.345.386	207.436.057
	Lãi cho vay	106.007	123.917.035
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Lãi cho vay	8.268.886	143.653.668
	Khác	37.462	1.345.345
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Chi trả hộ	44.031.381	42.698.900
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Lãi cho vay	-	10.653.887
Các bên khác	Khác	1.263.046	5.850.117
		1.913.495.400	2.215.058.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngân VND Số đầu năm</i>
<i>Phải thu dài hạn khác (TM số 8)</i>			
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Lãi cho vay	37.593.808	88.192
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Lãi cho vay	9.650.903	-
		47.244.711	88.192
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)</i>			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Mua hàng hóa	15.503.068	15.503.068
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Mua hàng hóa	8.997.560	8.982.932
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Mua hàng hóa	1.882.237	2.565.474
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Mua hàng hóa	436.516	6.836.392
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Mua hàng hóa	-	2.699.175
Các công ty khác	Mua hàng hóa	138.740	192.040
		26.958.121	36.779.081
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	8.640.087	8.640.087
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	4.887.191	-
Công Ty Cổ Phần Bapi Hoàng Anh Gia Lai	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	-	44.034
		13.527.278	8.684.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND
			Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)			
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Mượn	311.783.260	313.783.260
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Thu hộ	5.737.000	5.737.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Mượn	4.589.720	39.720
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Thu hộ	715.272	715.275
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai	Mượn	-	55.765.839
Các công ty khác	Khác	-	13.396.900
		345.595.002	412.207.744

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Ngân VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.490.672	2.418.600
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	1.711.306	1.919.006
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.445.675	1.376.438
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.259.405	1.086.593
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	1.242.570	-
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	738.957	656.613
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT	324.000	162.000
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	216.000	108.000
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT	108.000	94.500
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000	108.000
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên HĐQT	216.000	-
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	144.000	-
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	-	67.500
Các cá nhân khác		840.368	673.276
TỔNG CỘNG		10.808.953	8.670.526

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng và khách sạn. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.539.718	1.483.313
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	6.028.234
Trên 5 năm	29.118.441	30.423.830
TỔNG CỘNG	35.865.447	37.935.377

Cam kết bảo lãnh

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ("BIDV Thanh Hóa"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).



30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thể Thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	444.052.578	444.052.578
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000
TỔNG CỘNG	454.764.794	454.764.794

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp, công ty con của Công ty, đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/25/NQHĐQT-HAGL ngày 7 tháng 1 năm 2025.

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.


 Phạm Thị Thu Hà
 Người lập


 Lê Trương Y Trâm
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Xuân Thắng
 Tổng Giám đốc



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn